

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THỊ XÃ NGHI SƠN  
TỈNH THANH HÓA**  
Bản án số: 03 /2021/DS-ST  
Ngày: 31/3/2021  
V/v: Tranh chấp về hợp đồng vay tài sản.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ NGHI SƠN, TỈNH THANH HÓA**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lương Thị Cúc

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Đỗ Xuân Ngọc

2. Bà Lê Thị Lâm

**- Thư ký phiên tòa ông: Lê Cao Cường** - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa:** Không tham gia phiên tòa.

Ngày 31 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 01/2021/TLST-DS ngày 05 tháng 01 năm 2021 về việc: “Tranh chấp về hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2021/QĐXXST-DS ngày 18 tháng 3 năm 2021, giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Bà Lương Thị H1 - Sinh năm: 1956

Địa chỉ: Thôn 14, xã Ngọc L, thị xã Nghi S, tỉnh Thanh H

**- Bị đơn:** Bà Lê Thị H2 - Sinh năm: 1967

Địa chỉ: Thôn 9, xã Ngọc L, thị xã Nghi S, tỉnh Thanh H

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn bà Lương Thị H1 trình bày:*

Bà và chị H2 quen biết nhau từ lâu. Năm 2018, chị H2 có tham gia chơi phường do bà làm chủ phường. Trong quá trình đóng và nhận tiền phường chị H2 đều viết giấy và ký vào sổ nhận tiền phường. Chị H2 nhận tiền phường trước sau đó đóng, từ tháng 6/2019 chị H2 không đóng tiền phường cho bà nữa. Tính đến thời điểm hiện nay chị H2 còn nợ bà 206 triệu đồng tiền chơi phường và 80 triệu tiền chị H2 nhờ bà vay của bà Trật 50 triệu và ông Thám 30 triệu. Tổng số tiền chị H2 còn nợ bà là 286 triệu. Bà đề nghị Tòa án buộc chị H2 phải trả cho bà số tiền 286 triệu và tiền lãi đối với số tiền 206 triệu tính từ tháng 6/2020; đối với số tiền 80 triệu chị H2 đã trả lãi đến tháng 11/2019, nên bà yêu cầu tính lãi từ tháng 12/2019, lãi suất theo quy định của pháp luật.

Quá trình giải quyết bà Lương Thị H1 xác định lại hiện tại số tiền phường chị H2 còn nợ bà là 167 triệu. Bà đề nghị Tòa án buộc chị H2 phải trả cho bà số tiền 167 triệu và tiền lãi suất theo quy định của pháp luật. Đối với yêu cầu về số tiền 80 triệu bà vẫn giữ nguyên như nội dung khởi kiện ban đầu.

*Bị đơn chị Lê Thị H2 trình bày:* Chị có tham gia chơi phường do bà H1 làm chủ phường. Trong quá trình chơi chị đã lấy đủ số tiền phường. Tính đến thời điểm hiện nay chị chỉ còn nợ bà H1 167 triệu tiền phường. Đối với số tiền 80 triệu chị nhờ bà H1 vay của ông Thám và bà Trật đó là tiền để trừ vào tiền phường tháng 6 và tháng 7 năm 2019, việc trừ số tiền trên vào tiền phường chỉ có chị và bà H1 trừ cho nhau, không có ai biết việc này. Tính đến thời điểm hiện nay chị chỉ còn nợ bà H1 167 triệu. Chị sẽ thanh toán cho bà H1 mỗi tháng 4 triệu đồng cho đến khi hết số tiền trên. Về yêu cầu trả tiền lãi chị không đồng ý trả lãi cho bà H1.

Tại phiên tòa bà Lương Thị H1 vẫn giữ nguyên quan điểm yêu cầu chị Lê Thị H2 trả cho bà số tiền 167 triệu tiền phường và 80 triệu tiền nhờ bà vay hộ của bà Trật và ông Thám và tiền lãi theo quy định của pháp luật. chị H2 vẫn giữ nguyên quan điểm tại bản tự khai cũng như trong quá trình hòa giải. Chị chấp nhận trả cho bà H1 số tiền 167 triệu. Đối với số tiền 80 triệu chị nhờ bà H1 vay của bà Trật và ông Thám là tiền chị dùng để trả tiền phường tháng 6 và tháng 7/2019, chị cũng đã đóng tiền lãi đối với hai khoản tiền vay này đến tháng 11/2019. Vì vậy bà H1 đã trừ vào tiền phường rồi nên chị không đồng ý trả cho bà H1 số tiền này.

Lời khai của bà Lê Thị Trật khẳng định có cho bà H1 vay số tiền như bà H1 trình bày là đúng. Mục đích vay của bà H1 là vay cho cô H2.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Lương Thị H1 khởi kiện chị Lê Thị H2 buộc chị H2 phải trả tiền cho bà đây là vụ án tranh chấp về hợp đồng vay tài sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chị Lê Thị H2 có nơi cư trú tại thôn 9, xã Ngọc Lĩnh, thị xã Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Bà Lương Thị H1 khởi kiện chị Lê Thị H2 về việc buộc chị H2 phải trả cho bà số tiền 167 triệu tiền đóng phường và 80 triệu tiền vay. Xét thấy nguyên nhân xảy ra tranh chấp có liên quan đến tiền phường nhưng các đương sự đã thống nhất và chốt nợ với nhau trước thời điểm khởi kiện ra Tòa nên xác định đây là vụ án tranh chấp về hợp đồng vay tài sản là đúng pháp luật.

[2] Về yêu cầu của nguyên đơn: Theo đơn khởi kiện cũng như phần trình bày của các đương sự HĐXX thấy: Bà Lương Thị H1 và chị Lê Thị H2 có sự quen biết từ trước, giữa bà H1 và chị H2 đã tham gia chơi phường cùng với nhau từ nhiều năm. Đầu năm 2018, chị H2 tham gia chơi phường do bà H1 làm chủ phường. Chị H2 đã lấy đủ tiền phường và thời gian đóng phường đến tháng 02/2021 thì kết thúc. Chị H2

đã đóng đầy đủ đến tháng 5/2019, tính từ tháng 6/2019 cho đến nay chị H2 chưa đóng tiền phưởng cho bà H1. Vào tháng 5/2020, chị H2 và bà H1 đã thỏa thuận và chốt nợ tổng số tiền phưởng chị H2 nợ bà H1 là 667 triệu, chị H2 có gạt nợ cho bà H1 một diện tích đất có giá trị 500 triệu, vì vậy chị chỉ còn nợ bà H1 167 triệu. Về số tiền phưởng còn nợ lại 167 triệu cả bà H1 và chị H2 đều thừa nhận đây là tình tiết sự kiện chứng cứ không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 BLTTDS.

Đối với khoản tiền nợ 80 triệu, quá trình giải quyết chị H2 có thừa nhận chị nhờ bà H1 vay của ông Thám 30 triệu và bà Trật 50 triệu cho chị. Tuy nhiên chị không nhận tiền mặt từ bà H1 mà chị dùng số tiền này để đóng phưởng tháng 6, 7/2019. Vì vậy chị không chấp nhận trả số tiền 80 triệu cho bà H1. Bản tự khai của bà Trật khẳng định bà có cho bà H1 vay số tiền 50 triệu để bà H1 cho chị H2 vay lại. Quá trình giải quyết Tòa án đã nhiều lần triệu tập ông Thám nhưng ông Thám không đến làm việc vì vậy không thể tiến hành lấy lời khai hay thu thập chứng cứ được. Qua quá trình giải quyết vụ án, lời khai của các đương sự, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án HĐXX khẳng định việc bà H1 có vay hộ chị H2 số tiền của bà Trật là 50 triệu, ông Thám số tiền 30 triệu là đúng sự thật. Việc chị H2 nại ra cho rằng số tiền 80 triệu đã trừ vào tiền phưởng tháng 6,7/2019 là không có căn cứ và cơ sở vì tại buổi làm việc ngày 05/5/2020, chị H2 thừa nhận còn nợ bà H1 số tiền phưởng từ tháng 6/2019 cho đến 02/2021 điều này chứng tỏ lời khai về việc chị dùng số tiền 80 triệu để đóng tiền phưởng tháng 6, 7/2019 là không có căn cứ. Vì vậy HĐXX không chấp nhận lời khai nại của chị H2.

[2.2] Về số tiền lãi: Đối với yêu cầu tính lãi xuất đối với các khoản tiền chị H2 vay bà H1, HĐXX xét thấy. Vào ngày 05/5/2020, chị H2 và bà H1 đã chốt số tiền phưởng còn nợ lại là 167 triệu vì vậy đây là hình thức vay nợ do đó HĐXX chỉ chấp nhận tính lãi theo quy định tại Điều 357, Điều 468 BLDS kể từ 6/2020 cho đến thời điểm xét xử vụ án. Đối với số tiền 80 triệu trong đó có 50 triệu hai bên thỏa thuận khi vay lãi xuất 1,5%/ tháng, đây là mức lãi xuất phù hợp với quy định pháp luật nên HĐXX chấp nhận mức lãi xuất trên. Đối với số tiền 30 triệu vay của ông Thám với lãi xuất 2%/ tháng vượt quá quy định về lãi xuất theo Điều 468 BLDS nên HĐXX quyết định áp dụng mức lãi xuất theo Điều 468BLDS. Thời điểm tính lãi xuất của số tiền 80 triệu được tính từ tháng 12/2019 cho tới thời điểm xét xử.

Xét lời khai của các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án thấy có đủ căn cứ chấp nhận đơn khởi kiện của bà H1. Vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ Điều 463, khoản 1 Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015, chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

[4] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào Điều 357, Điều 463, khoản 1 Điều 466, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc

hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và điểm b tiểu mục 1.3 mục 1 phần 2 Danh mục án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Buộc chị Lê Thị H2 phải trả cho bà Lương Thị H1 số tiền 247.000.000đ tiền gốc.

- Chị Lê Thị H2 phải trả số tiền lãi theo quy định của pháp luật từ tháng 06/2020 cho tới ngày 30/3/2021 là: 10 tháng x 167 triệu x 0,83% = 13.861.000đ.

- Chị Lê Thị H2 phải trả số tiền lãi suất theo quy định của pháp luật từ tháng 12/2019 cho tới ngày 30/3/2021: 28 tháng x 30 triệu x 1,66% = 13.944.000đ

+ 28 tháng x 50 triệu x 1,5% = 21.000.000đ.

Tổng cộng chị Lê Thị H2 phải trả cho bà Lương Thị H1 số tiền: 247.000.000đ tiền gốc và 48.805.000đ tiền lãi = 295.805.000đ

2. Kể từ ngày bà H1 có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, chị H2 còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Về án phí: Chị Lê Thị H2 phải nộp 14.790.250đ tiền án phí dân sự có giá ngạch.

**4. Về quyền kháng cáo: Án xử sơ thẩm công khai có mặt các đương sự. Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.**

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Thanh Hoá;
- VKSND huyện Tĩnh Gia;
- Chi cục THADS huyện Tĩnh Gia;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lương Thị Cúc**